

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

KẾ HOẠCH
05 NĂM PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN
(Giai đoạn 2021 - 2025)

Tháng 08 - 2020

KẾ HOẠCH

Phát triển Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương Giai đoạn 2021-2025

Thực hiện văn bản số 872/SYT-KHTC ngày 22/04/2020 của Sở Y tế về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương (YHCT) xây dựng kế hoạch phát triển bệnh viện 5 năm giai đoạn 2021-2025 như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2016-2020

I. TÌNH HÌNH SỨC KHỎE VÀ ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Thông tư số 37/2011/TT-BYT ngày 26/10/2011 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bệnh viện Y học cổ truyền tuyến tỉnh và Quyết định số 271/QĐ-SYT ngày 03/04/2013 của Sở Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương;

Bệnh viện xác định rõ nhiệm vụ chính trị là tổ chức thực hiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong lĩnh vực y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Các cơ sở pháp lý định hướng hoạt động của Bệnh viện trong thời gian qua:

+ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Quyết định số 2166/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển y, dược cổ truyền Việt Nam đến năm 2020;

+ Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 29/05/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động về phát triển y, dược cổ truyền tỉnh Bình Dương đến năm 2020;

+ Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ Tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam;

+ Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/06/2015 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”.

+ Thông tư số 19/2013/TT-BYT ngày 12/07/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện.

+ Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn quy trình khám bệnh tại khoa khám bệnh của Bệnh viện.

+ Thông tư số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/06/2007 của Liên bộ Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế trong các cơ sở y tế nhà nước.

Trong giai đoạn 2016-2020, Bệnh viện đạt được một số kết quả, cụ thể:

+ Bệnh viện tiếp nhận trung bình 80 - 150 lượt người/ngày đến khám bệnh ngoại trú; chăm sóc và điều trị từ 70 - 100 người bệnh điều trị nội trú.

+ Danh mục kỹ thuật KBCB được đầu tư, tổ chức thực hiện tăng qua các năm, đến nay Sở Y tế phê duyệt thực hiện với tổng số kỹ thuật là 1.317 kỹ thuật.

+ Kết quả kiểm tra đánh giá chất lượng Bệnh viện qua các năm đạt điểm trung bình các mức tiêu chí từ 3.0 trở lên;

+ Khảo sát điểm hài lòng chung của người bệnh nội trú, ngoại trú qua các năm đều đạt từ 85% trở lên.

+ Bệnh viện đã tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật chăm cứu nâng cao (Điện giật châm) và kỹ thuật kết hợp các phương pháp không dùng thuốc theo Đề án 1816 từ Bệnh viện Châm cứu Trung ương giai đoạn năm 2016-2018;

+ Rút ngắn thời gian điều trị trung bình đối với người bệnh từ 21 - 24 ngày/người bệnh nội trú, thời gian quá trình khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) trung bình, đáp ứng được theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT.

2. Đánh giá chung kết quả thực hiện

2.1. Các mặt mạnh:

- Bệnh viện YHCT là bệnh viện chuyên khoa về y, được cổ truyền của tỉnh đã góp phần trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân của tỉnh trong thời gian qua.

- Các quy chế chuyên môn từng bước được kiện toàn, nhiều bệnh mãn tính được điều trị có kết quả giúp người bệnh sớm hòa nhập với cộng đồng và gia đình; các dịch vụ kỹ thuật chuyên môn ngày một đa dạng; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và phục vụ bệnh nhân được cải thiện; việc cung ứng thuốc và trang thiết bị y tế được đầu tư đáp ứng nhu cầu thiết yếu của công tác KBCB; trình độ đội ngũ cán bộ viên chức và chất lượng dịch vụ kỹ thuật KBCB cho nhân dân ngày càng được nâng cao. Là một chuyên khoa đầu ngành của tỉnh về lĩnh vực Y học cổ truyền, Bệnh viện thường xuyên hỗ trợ, tập huấn chuyển giao kỹ thuật khi có nhu cầu của tuyến dưới.

- Các khoa lâm sàng tổ chức tốt việc tiếp nhận, chăm sóc và phục vụ người bệnh. Các kíp trực luôn đảm bảo chế độ trực 24/24, giải quyết kịp thời những trường hợp bệnh nặng, cấp cứu. Tinh thần phục vụ người bệnh của cán bộ, viên chức luôn tận tình, chu đáo, tạo được sự tin tưởng, của người bệnh và thân nhân.

- Từ năm 2015, bệnh viện đã ứng dụng công nghệ thông tin nối mạng toàn viện, kê đơn điện tử mang lại lợi ích cho người bệnh, tăng cường quản lý thuốc và bệnh tật tại bệnh viện. Hệ thống kho, các phòng cấp phát đảm bảo đạt GSP theo quy định nên thuốc được bảo quản không hư hỏng và được giám sát chất lượng tốt.

- Việc mua sắm theo hình thức đấu thầu rộng rãi mang lại nhiều lợi ích: Chuẩn hoá quy trình mua sắm, công khai minh bạch, bệnh viện có nhiều sự lựa chọn, giá thuốc ổn định trong cả năm.

- Quản lý sử dụng thuốc tại bệnh viện áp dụng các phương pháp phân tích cơ cấu sử dụng thuốc theo nguồn gốc xuất xứ, thuốc generic, thuốc biệt dược, phân tích ABC, phân tích VEN các thuốc sử dụng tại bệnh viện.

2.2. Các mặt hạn chế:

- Tuy nhiên, cùng với những kết quả đã đạt được, công tác KBCB cũng còn nhiều tồn tại và không ít khó khăn, bất cập cần phải khắc phục như: chất lượng phục vụ chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người bệnh, thuốc và vật tư y tế chưa đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chưa tự sản xuất, bảo chế các mặt hàng thuốc phục vụ tại chỗ, việc tăng thu nhập cho CBVC chưa ổn định và còn ở mức thấp.

- Một số chỉ tiêu chuyên môn không đạt như số lần khám bệnh, số người bệnh điều trị nội trú, số ngày điều trị nội trú và công suất sử dụng giường bệnh.

- Tình hình dịch bệnh Covid – 2019 đã tác động ảnh hưởng đến công tác khám bệnh, chữa bệnh.

- Công tác đấu thầu thuốc được liệu, vị thuốc YHCT và các chế phẩm chậm tiến độ đã có thời gian xảy ra tình trạng thiếu thuốc để phục vụ khám chữa bệnh.

- Bệnh viện bước đầu đã có triển khai thực hiện Dược lâm sàng và thông tin về thuốc nhưng chưa hiệu quả và sâu rộng.

- Việc đấu thầu thuốc, mua sắm vật tư y tế, sinh phẩm chẩn đoán, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị y tế thực hiện đấu thầu qua mạng nên bệnh viện cũng sẽ gặp không ít khó khăn với nhân lực chưa có kinh nghiệm (Theo Thông tư 04/2017/TT- BKHĐT và Thông tư 11/2019/TT-BKHĐT); mặt khác cũng còn nhiều bất cập như quá trình mua sắm nhiều thủ tục, kéo dài, tốn nhiều thời gian, nhân lực, chi phí.

- Việc xây dựng danh mục thuốc bệnh viện hàng năm chủ yếu vẫn dựa vào sử dụng của năm trước, danh mục thuốc thiết yếu của Bộ Y tế và kinh nghiệm của các bác sỹ, chưa có những đánh giá cụ thể, số lượng hoạt chất đa dạng với nhiều biệt dược được sử dụng trong bệnh viện sẽ làm cho công tác cung ứng, quản lý thuốc của khoa được gặp nhiều khó khăn, thách thức.

- Công tác sản xuất thuốc tại cơ sở thực hiện chưa đạt chỉ tiêu về sản xuất chế phẩm thuốc cổ truyền, lý do nguyên phụ liệu phụ thuộc vào đấu thầu nên thường khó khăn trong cung ứng, công thức thuốc không phù hợp với quy định của Thông tư không thanh toán được, nên hiện nay còn trong giai đoạn nghiên cứu bào chế và xây dựng quy trình sản xuất mới, khoa được chỉ sản xuất những sản phẩm thanh toán theo giá kỹ thuật và sắc thuốc đóng túi có giá quy định sẵn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA TỪNG LĨNH VỰC Y TẾ

1. Nhân lực y tế và khoa học công nghệ

- Bệnh viện được giao biên chế năm 2020: 129 (Biên chế 126, Hợp đồng: 03)

- Số giường bệnh kế hoạch: 150 giường

- Nhân lực hiện tại: 129 (Biên chế 114, Hợp đồng: 15)

+ Tỷ lệ so sánh biên chế được giao: 114/126 (90,4%);

+ Tỷ lệ so sánh hợp đồng được giao: 15/3 (500%)

- Thông tư số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/06/2007 của Liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn định mức biên chế trong các cơ sở y tế nhà nước;

- Quyết định số 2992/QĐ-BYT ngày 17/07/2015 của Bộ Y tế về phê duyệt kế hoạch phát triển nhân lực trong hệ thống khám bệnh chữa bệnh giai đoạn 2015 – 2020.

1.1. Tình hình thực hiện chỉ tiêu nhân lực thực tế của bệnh viện

STT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Sau đại học	18	13,95
	Bác sĩ CKI	12	9,30
	Thạc sĩ Y	1	0,78
	Thạc sĩ Dược	1	0,78
	Dược sĩ CKI	2	1,55
	Thạc sĩ khác	2	1,55
2	Đại học	47	36,43
	Bác sĩ	19	14,73
	Dược sĩ	4	3,10
	Điều dưỡng, Hộ sinh	8	6,20
	Cử nhân y	7	5,43
	Cử nhân khác	9	6,98
3	Cao đẳng	18	13,95
	Điều dưỡng	8	6,20
	Dược	7	5,43
	Cao đẳng y	1	0,78
	Cao đẳng khác	2	1,55
4	Trung cấp	30	23,26
	Y sĩ	17	13,18
	Điều dưỡng	6	4,65
	Dược	7	5,43
5	Nhân viên khác (hộ lý, bảo vệ, lái xe)	16	12,40

+ Lâm sàng: 76/129 chiếm 58,91%

+ Cận lâm sàng và Dược: 24/129 chiếm 18,60%

+ Quản lý, hành chính: 29 chiếm 22,48%

+ Bác sĩ/chức danh chuyên môn y tế khác (Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên): 31/47.

+ Dược sĩ Đại học/Bác sĩ: 7/31.

+ Dược sĩ Đại học/Dược sĩ trung học: 7/14.

TT	Cơ cấu	Thông tư 08/2007/TTLT- BYT-BNV	Thực tế
A	Cơ cấu bộ phận		
1	Lâm sàng	60 – 65%	58,91%
2	Cận lâm sàng và Dược	22 – 15%	18,60%
3	Quản lý, hành chính	18 – 20%	22,48%
B	Cơ cấu chuyên môn		
1	Bác sĩ/chức danh chuyên môn y tế khác (Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên)	1/3 – 1/3,5	1/1,51
2	Dược sĩ Đại học/Bác sĩ	1/8 – 1/1,5	1/4,4
3	Dược sĩ Đại học/Dược sĩ trung học	1/2 – 1/2,5	1/2

1.2. Khoa học công nghệ

- Bệnh viện tổ chức và duy trì thường xuyên công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và ứng dụng hiệu quả các công trình nghiên cứu khoa học đã được công nhận trong công tác chăm sóc và điều trị người bệnh. Sinh hoạt khoa học và tổ chức hội nghị khoa học chuyên đề y được thường kỳ, có sơ kết đánh giá phân loại đề tài.

- Xây dựng Danh mục thuốc điều trị, phác đồ điều trị, hoàn chỉnh Quy trình kỹ thuật, Quy trình chăm sóc người bệnh, phòng ngừa và giảm thiểu các tai biến, sai sót chuyên môn nhằm bảo đảm an toàn cho người bệnh.

- Tổ chức lớp đào tạo liên tục với chuyên đề: Cập nhật chẩn đoán và điều trị Phục hồi vận động sau đột quỵ, sử dụng thuốc nam trong điều trị một số bệnh thông thường và cập nhật chẩn đoán và điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống theo y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại cho các Trung tâm Y tế huyện/thị/thành phố và các Bệnh viện ngoài công lập có khoa YHCT.

1.3. Nghiên cứu khoa học (NCKH) và sáng kiến cải tiến (SKCT):

- Trong giai đoạn 2015-2019, bệnh viện đã tổ chức thực hiện công tác NCKH và SKCT; kết quả có 17 đề tài, trong đó có tham gia 01 đề tài cấp Nhà nước và 16 đề tài cấp cơ sở, cụ thể:

TT	Nghiên cứu KH, SKCT	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng cộng
Tổng số đề tài NKCK, SKCT, trong đó:		06	04	01	03	03	17
1	Đề tài cấp Nhà nước					01	01
2	Đề tài cấp Tỉnh						
3	Đề tài cấp Cơ sở	06	04	01	03	02	16
4	Đề tài đăng báo, tạp chí	00	00	00	00	00	00

- Thực hiện đề án 1816, bệnh viện đã được Bệnh viện Châm cứu TW chuyển giao kỹ thuật, cụ thể:

TT	Nội dung	Thời gian	Tuyển trên chuyển giao
1	Kỹ thuật châm cứu nâng cao trong điều trị giảm đau (Điện mãng châm)	Năm 2016	Bệnh viện Châm cứu TW
2	Kết hợp các phương pháp không dùng thuốc trong điều trị giảm đau khớp và các bệnh lý cột sống	Năm 2018	Bệnh viện Châm cứu TW

2. Hệ thống thông tin y tế:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách thủ tục hành chính;
- Bệnh viện đã thực hiện ứng dụng phần mềm HIS-VNPT liên thông, đồng bộ dữ liệu với Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định bảo hiểm y tế và Công dữ liệu của Bộ Y tế.
- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật, kiến thức y học phổ cập về phòng, chống dịch bệnh, kiến thức y học trong phòng, chữa bệnh trên các phương tiện truyền thông tại đơn vị như: Màn hình Tivi, Bản tin Bệnh viện, Chi đoàn cơ sở;
- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quy trình khám bệnh, chữa bệnh, hệ thống báo số tự động tại Khoa Khám bệnh nhằm giảm bớt thời gian chờ đợi, tạo điều kiện nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh;
- Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại đơn vị do Sở Thông tin - Truyền thông tổ chức tập huấn và triển khai; giảm chuyển tải văn bản giấy, tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm cho đơn vị;
- Tăng cường cập nhật thông tin, nội dung ngày càng phong phú, bổ ích, khuyến khích nhân viên, người lao động của Bệnh viện truy cập trên cổng thông tin điện tử Bệnh viện YHCT Bình Dương theo địa chỉ <http://bvyhctbinhduong.org.vn>;
- Ứng dụng bảng tính Excel trên Google Drive để thu thập, tổng hợp, phân tích và báo cáo số liệu hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của các Khoa chuyên môn thay cho báo cáo kết quả trong giao ban hàng ngày;
- Ứng dụng bảng tính Excel trên hệ thống One Drive để thu thập, theo dõi, tổng hợp, phân tích và báo cáo tình hình nhân sự, chấm công, cơ sở lập bảng lương nhân viên, người lao động làm việc theo ngày, tháng của các Khoa/Phòng, nhất là tạo thuận lợi, tiện ích cho Phòng Tổ chức cán bộ và Phòng Điều dưỡng.

3. Dược, trang thiết bị và công trình y tế

3.1. Công tác Dược:

- Bệnh viện thực hiện tốt công tác cấp, phát thuốc nhanh chóng, đầy đủ và chính xác cho người bệnh khám, điều trị tại bệnh viện.

- Ngoài ra, bệnh viện xây dựng kho thuốc theo tiêu chuẩn “Thực hành tốt bảo quản thuốc-GSP” và thực hiện đúng các quy định trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc trong quá trình nhập kho, lưu trữ và cấp phát thuốc.

- Nhằm đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả cho người bệnh, bệnh viện thành lập bộ phận Dược lâm sàng nhằm giám sát việc sử dụng thuốc tại các khoa lâm sàng, cụ thể là phản ứng có hại của thuốc (ADR) trong bệnh viện.

- Kết quả sử dụng thuốc tại bệnh viện giai đoạn 2016-2020: (Phụ lục 2)

3.2. Trang thiết bị và công trình y tế

3.2.1. Trang thiết bị y tế

- Thực hiện công tác đấu thầu mua sắm, kiểm định chất lượng, hiệu chuẩn, bảo trì thiết bị định kỳ theo đúng quy định.

- Nhiều thiết bị được đầu tư đáp ứng phần nào nhu cầu khám chữa bệnh; Các trang thiết bị được đầu tư đưa vào sử dụng đúng mục đích và đạt hiệu quả cao trong công tác

- Kết quả mua sắm các trang thiết bị y tế giai đoạn 2015-2020 (Phụ lục 3)

3.2.2. Công trình y tế

- Bệnh viện đã thực hiện việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, đảm bảo các điều kiện cơ bản để phục vụ người bệnh;

- Việc đầu tư, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất kết quả thực hiện giai đoạn năm 2015-2020: Công trình như Mở rộng khu vật lý trị liệu, Cải tạo khoa dược và khối hành chính, Mở rộng nhà xe CBVC, Mở rộng khoa cận lâm sàng. Riêng năm trong 2020, tiến hành thực hiện dự án sửa chữa hệ thống thoát nước thải, nước mưa.

4. Tài chính y tế

- Giai đoạn năm 2016-2020 Bệnh viện là đơn vị sự nghiệp y tế tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Trong đó, các khoản chi thường xuyên cho con người và một số hoạt động khác chi từ kinh phí khoán do ngân sách nhà nước cấp.

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đúng pháp luật, chặt chẽ và hợp lý. Thẩm định giá sửa chữa, mua sắm hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo việc tuân thủ các quy định hiện hành.

- Giám sát việc mua sắm trang thiết bị, thuốc chữa bệnh, vật tư tiêu hao... theo đúng quy định hạn chế sự lãng phí trong tiêu hao thuốc, hóa chất, vật tư và tiết kiệm trong chi tiêu. Cân đối thu - chi hợp lý, tiết kiệm có tích lũy để nâng cao thu nhập cho cán bộ viên chức và người lao động.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác tài chính.

- Tăng cường giám sát để thực hiện đúng quy định về hồ sơ biểu mẫu báo cáo BHYT, cũng như các chứng từ thanh quyết toán với cơ quan tài chính.

- Tổ chức thu nộp viện phí cho người bệnh thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác; công bố giá viện phí và các dịch vụ tại khu vực khám, điều trị và nơi thu viện phí.

- Thực hiện chi trả tiền lương, bồi dưỡng phẫu thuật, thủ thuật, các chế độ phụ cấp cho cán bộ viên chức bệnh viện đúng quy định.

- Có kế hoạch dự toán kinh phí hàng năm, đến năm 2025.

- Các kinh phí được phân bổ đến bệnh viện hàng năm cho hoạt động chuyên môn, nhân sự, cải tạo cơ sở vật chất...

- Thực hiện lộ trình tiến tới tự chủ hoàn toàn theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Qua bảng số liệu chi tiết ta thấy được nguồn kinh phí khoán giảm dần qua từng năm, Như trước đây các khoản chi sẽ được chi từ nguồn kinh phí khoán thì bây giờ phải chi từ nguồn thu giá dịch vụ khám chữa bệnh. Tuy gặp nhiều khó khăn do kinh phí khoán giảm nhưng bệnh viện vẫn cố gắng cân đối thu chi nhằm đảm bảo các khoản chi cơ bản cho con người và một số hoạt động khác (Phụ lục 4).

5. Cung ứng dịch vụ y tế

5.1. Các hoạt động phòng chống dịch bệnh

Thực hiện theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Y tế đã ban hành, Bệnh viện YHCT Bình Dương chủ động triển khai các phương án phòng, chống dịch bệnh, cụ thể:

- Liên tục cập nhật, thông tin và xây dựng kế hoạch ứng phó và triển khai các văn bản chỉ đạo trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 đến toàn thể nhân viên trong bệnh viện.

- Tăng cường truyền thông người bệnh và thân nhân người bệnh biết về tình hình và cách phòng tránh bệnh qua các hình thức: hướng dẫn trực tiếp, dán tờ hướng dẫn tại các vị trí đông người qua lại, thông tin tuyên truyền qua loa phát thanh của bệnh viện,....

5.2. Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

- Bệnh viện tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, điều kiện phục vụ người bệnh, thành lập mới phòng chăm sóc người bệnh nặng

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh: áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện, cải tiến quy trình khám chữa bệnh, cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế...

- Đến nay, bệnh viện đã tổ chức thực hiện 1.317 kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được Sở Y tế phê duyệt, cụ thể:

Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2020	Tổng số
Tổng số kỹ thuật được phê duyệt	1179	13	53	02	70	1.317
Kỹ thuật đúng tuyến	1136	9	44	02	66	1.257
Kỹ thuật vượt tuyến	43	4	9	00	4	60

- Tình hình thực hiện chỉ tiêu chuyên môn giai đoạn 2016 – 2020 (Phụ lục 1).

- Kết quả kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện theo tiêu chí của Bộ Y tế qua các năm đạt điểm trung bình các mức tiêu chí từ 3.0 trở lên.



5.3. Truyền thông giáo dục sức khỏe

- Tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước
- Truyền thông phòng chống dịch bệnh Sốt xuất huyết, Tay chân miệng trên địa bàn tỉnh Bình Dương dịch bệnh COVID-19
- Truyền thông theo các chủ đề y tế, tham gia viết bài: đạt tỷ lệ 70%-80% kế hoạch giao. Bệnh viện thực hiện một số các công tác truyền thông như sau:
 - + Thông tin hoạt động của bệnh viện.
 - + Hỏi đáp Y học
 - + Tham vấn chuyên môn.
 - + Nội quy, quy định tại bệnh viện.
 - + Truyền thông về phòng chống dịch bệnh...
 - + Truyền thông cách phòng ngừa bệnh mãn tính: THA, ĐTD, Suy tim,...
 - + Tuyên truyền phòng chống TNGT, TNLD.
 - + Một số nội dung truyền thông liên quan đến bệnh lý tại các khoa.

PHẦN 2

KẾ HOẠCH BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE NHÂN DÂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Cơ hội và thách thức

1. Cơ hội

- Đường lối, chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ ngày càng khẳng định vai trò quan trọng của công tác y tế đối với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhà nước có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút nguồn lực của xã hội cho phát triển y dược cổ truyền và kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại, vì vậy đây là cơ hội phát triển ngành Y dược cổ truyền Việt Nam, khẳng định ưu thế y dược cổ truyền một bộ phận quan trọng trong hệ thống y tế, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- Hệ thống pháp luật liên quan đến chăm sóc sức khỏe ngày càng được hoàn thiện; nhiều Luật, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của các Bộ đã được ban hành, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho quá trình xây dựng và phát triển hệ thống y tế. Đặc biệt là Chỉ thị số 24-CT/TW, ngày 4/7/2008 của Ban Bí thư về phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y trong tình hình mới và Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Chính phủ ban hành Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030.

- Kinh tế tiếp tục phát triển trong điều kiện chính trị và xã hội ổn định; Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng giúp cho hàng hóa và người lao động Việt Nam nói chung và trong lĩnh vực y tế nói riêng có cơ hội thâm nhập vào thị trường thế giới, người dân có thêm nhiều cơ hội lựa chọn các dịch vụ y tế có chất lượng cao ngay trong nước.

- Các phương tiện thông tin hiện đại phát triển nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ tiếp cận các cơ sở y tế cũng như các kiến thức về sức khỏe.

- Sự tin tưởng của người dân trong công tác khám chữa bệnh bằng y dược cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

2. Thách thức

- Bên cạnh bối cảnh chung về toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức đối với lĩnh vực y tế nhất là tăng nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm như COVID-19.

- Y tế tư nhân ngày càng phát triển, tạo sức ép lớn về nhu cầu cán bộ y tế. Tình trạng cán bộ y tế công dịch chuyển sang làm y tế tư nhân ngày càng phổ biến.

- Là bệnh viện chuyên khoa về YHCT, tỷ lệ số thẻ đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu bảo hiểm y tế tại bệnh viện thấp cũng ảnh hưởng đến các mặt hoạt động của bệnh viện.

- Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhiều vấn đề mới phát sinh như ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội đang ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân; cơ cấu bệnh tật có nhiều thay đổi; quy mô dân số của tỉnh trong những năm tới vẫn tiếp tục tăng; nhu cầu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao và đa dạng, trong khi khả năng đáp ứng của bệnh viện còn hạn chế. Từ những tồn tại nêu trên, công tác khám chữa bệnh phục vụ nhân dân đang đứng trước những thách thức to lớn.

- Với việc thông tuyến khám chữa bệnh, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng BHYT, công tác khám chữa bệnh YHCT kết hợp YHHĐ đã được triển khai ở rất nhiều các phòng khám, bệnh viện ngoài công lập. Để “thu hút” bệnh nhân, bệnh viện cần có sự thay đổi tích cực về tinh thần, thái độ làm việc và phục vụ bệnh nhân của cán bộ công nhân viên; cải thiện về cơ sở vật chất, vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, đáp ứng sự hài lòng của bệnh nhân, chấp hành tốt các quy định quản lý Nhà nước.

- Trước những thách thức, xây dựng kế hoạch phát triển bệnh viện là một việc làm cần thiết góp phần hiện thực hóa các mục tiêu để phát triển bệnh viện một cách toàn diện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân trong giai đoạn 2021-2025.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Phát triển toàn diện y dược cổ truyền, tăng cường kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại; xây dựng thành bệnh viện đa khoa y dược cổ truyền tuyến tỉnh hạng II, đảm bảo các hoạt động chuyên môn, cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho người bệnh. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, tạo thương hiệu bệnh viện, củng cố và từng bước nâng cao đời sống viên chức, người lao động.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Công tác khám bệnh, chữa bệnh

- Bệnh viện YHCT tỉnh Bình Dương là bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh với quy mô 150 giường bệnh. Tiếp tục duy trì và kiện toàn quy mô 150 giường bệnh theo hướng đa khoa y dược cổ truyền theo lộ trình của Quyết định 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030;

- Đảm bảo công suất sử dụng giường bệnh đạt từ 80% hàng năm trở lên.

- Hoàn thành đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao hàng năm, triển khai và áp dụng các kỹ thuật mới trong chẩn đoán và điều trị.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), tổ chức quy trình tiếp nhận khám chữa bệnh bằng hệ thống số tự động tại khoa khám bệnh; tăng cường công tác hướng dẫn và tư vấn thông qua Tổ Công tác xã hội.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp cải tiến quy trình và thủ tục trong khám bệnh, rút ngắn thời gian chờ, tránh gây phiền hà và tăng sự hài lòng của người bệnh.

2.2. Kế hoạch thực hiện đào tạo, nghiên cứu khoa học

a) Cập nhật, đào tạo liên tục tại bệnh viện

- Chú trọng quy chế chuyên môn, quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh: Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí các bệnh sơ cấp cứu thường gặp, hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh mãn tính, quy trình kỹ thuật trong PHCN - VLTL,...

- Quản lý chất lượng: Cải tiến chất lượng bệnh viện, An toàn người bệnh.

- Công tác Điều dưỡng: Tập trung các nội dung về đạo đức nghề nghiệp, theo dõi và chăm sóc người bệnh toàn diện, quản lý công tác điều dưỡng, vận chuyển bệnh nhân an toàn;

- Dược: Tập huấn cảnh giác dược, các thông tin về tác hại của thuốc...

- Kiểm soát nhiễm khuẩn: Cập nhật các quy định về KSNK bệnh viện, giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện...

- Dinh dưỡng: Đánh giá thực trạng dinh dưỡng cho bệnh nhân nằm viện, an toàn vệ sinh trong bệnh viện,

- Tập huấn quy tắc ứng xử, quy chế bệnh viện cho nhân viên y tế, an toàn vệ sinh lao động,

- Hướng dẫn trình bày, viết báo cáo NCKH, SKCT...

b) Tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật trong giai đoạn 2021-2025

TT	Nội dung	Khoa chuyên môn tiếp nhận chuyển giao	Bệnh viện chuyển giao
1	Kỹ thuật “Nội soi ống cứng can thiệp - Tiêm xơ búi trĩ”	Khoa Ngoại	Viện Y Dược học dân tộc TP. HCM
2	Phương pháp Cây chỉ (Nhu châm)	Các Khoa Lâm sàng	
3	Công tác Quản lý chất lượng bệnh viện	Phòng KHTH	
4	Tổ chức hoạt động công tác xã hội tại bệnh viện	Tổ Công tác xã hội	
5	Bào chế thuốc	Khoa Dược	

c) Công tác nghiên cứu khoa học

- Kiện toàn Hội đồng Khoa học kỹ thuật của Bệnh viện đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chuyên môn kỹ thuật.

- Triển khai, ứng dụng các đề tài, sáng kiến đã được nghiệm thu, công nhận.

- Sơ kết, tổng kết các công tác của Hội đồng Khoa học kỹ thuật; định kỳ tổ chức hội nghị, tổng kết, báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, sinh hoạt, hội thảo, hội nghị khoa học, kế thừa Bài thuốc hay – Cây thuốc quý.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về y dược cổ truyền, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về y dược cổ truyền, tập trung vào các nhiệm vụ:

+ Phát hiện, chứng minh khoa học và thương mại hóa thuốc/bài thuốc cổ truyền; khuyến khích sử dụng thuốc/bài thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu được nuôi trồng trong nước trong khám chữa bệnh;

+ Nghiên cứu về tính vị và tác dụng theo y học cổ truyền của các vị thuốc nam, thuốc dân gian, bài thuốc kinh nghiệm được xác định theo y học cổ truyền và y học hiện đại có tác dụng trong điều trị một số bệnh, chứng bệnh;

+ Nghiên cứu lựa chọn về các bài thuốc dân gian, bài thuốc kinh nghiệm được xác định theo y dược cổ truyền và y dược hiện đại có tác dụng trong điều trị một số chứng bệnh, bệnh;

+ Nghiên cứu chứng minh các phương thức chẩn trị và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc an toàn, hiệu quả;

+ Nghiên cứu tuyển chọn tạo các chế phẩm thuốc cổ truyền có hiệu quả tốt, an toàn, có ưu thế hơn thuốc hóa dược và có giá trị kinh tế cao;

+ Nghiên cứu khoa học chứng minh an toàn, hiệu quả sử dụng thuốc cổ truyền kết hợp với thuốc hóa dược theo giai đoạn bệnh;

+ Nghiên cứu kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong chẩn đoán bệnh nhằm xây dựng bộ tiêu chí chẩn đoán bệnh, thể bệnh theo y học cổ truyền;

+ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến để bào chế các bài thuốc y học cổ truyền dưới dạng bào chế hiện đại.

- Định hướng, kế hoạch tham gia nghiên cứu, sáng kiến cải tiến giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

TT	Nghiên cứu KH, SKCT	Số lượng/năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	00
2	Đề tài cấp Tỉnh	01
3	Đề tài cấp Cơ sở	03
4	Đề tài đăng báo, tạp chí	00

d) Nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực Bệnh viện. Tăng cường các hoạt động đào tạo và thực hiện tốt các cơ chế chính sách trong thu hút, đãi ngộ, sử dụng cán bộ để đảm bảo về số lượng và chất lượng theo quy hoạch phát triển Bệnh viện.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Bệnh viện. Nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của bệnh viện.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, tăng cường công tác tập huấn, đào tạo lại để nâng cao năng lực công tác của CB,VC. Quan tâm đến việc đào tạo, tập huấn cả về chuyên môn lẫn chính trị và quản lý.

- Tình hình nhân lực:

Trình độ chuyên môn	Tổng số	BS	ĐD/HS/KTV	DS ĐH	DSCĐ -DSTH	Khác
Số biên chế đang có	129	30	50	07	14	28

- Với 150 (giường bệnh) kế hoạch, chỉ tiêu nhân lực cần đáp ứng nhu cầu sử dụng: Biên chế cho toàn bệnh viện: 135 biên chế (áp dụng tỷ lệ 0.9)

TT	Cơ cấu bộ phận	TL theo TT 08/2007/TTLT BHYT-BNV	Tỷ lệ áp dụng đối với bệnh viện	Biên chế cần
01	Toàn bệnh viện	0.9-1	0.9	135
02	Lâm sàng	60 - 65%	60%	81
03	Cận lâm sàng và Dược	15 - 25%	15%	31
04	Quản lý, hành chính	18 - 20%	18%	23

Tỷ lệ cơ cấu chuyên môn cho phép theo Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV:

T	Cơ cấu chuyên môn	Theo Thông tư 08/2007/TTLT BHYT-BNV	Áp dụng đối với bệnh viện	Số lượng tương ứng
1	Bác sĩ/ĐD-NHS-KTV	Từ 1/3 đến 1/3,5	1/3	30/90
2	Dược sĩ ĐH/ Bác sĩ	Từ 1/8 đến 1/15	1/8	4/30
3	Dược sĩ ĐH/DSTH	Từ 1/2 đến 1/2,5	1/2.5	4/10

e) Ứng dụng CNTT giai đoạn 2021-2025

Từng bước xây dựng bệnh viện thông minh trong thời đại 4.0, quản lý bệnh viện toàn diện bằng phần mềm công nghệ thông tin và triển khai bệnh án điện tử trong công tác khám bệnh, chữa bệnh.

f) Quản lý chất lượng

- Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng tại Bệnh viện YHCT tỉnh Bình Dương.
- Hoạt động cải tiến chất lượng Bệnh viện duy trì và triển khai hoạt động ngày càng hiệu quả.

- Bệnh viện xếp loại theo tiêu chí chất lượng Bệnh viện của Bộ Y tế đạt mức khá, không có tiêu chí mức 1, phần đầu đạt tiêu chí từ mức 3 trở lên, điểm đánh giá trung bình các tiêu chí chất lượng của bệnh viện tăng 0,3% hàng năm.

- Phần đầu thực hiện đạt các chỉ tiêu y tế cơ bản

2.3. Cơ sở vật chất

Tiếp tục thực hiện dự án, cải tạo, sửa chữa các hạng mục giai đoạn 2021-2025.

- Đầu tư, sửa chữa, cải tạo các hạng mục của Khu điều trị nội trú;
- Cải tạo, sửa chữa khoa phục hồi chức năng (Phòng tập dụng cụ) thành phòng thu phí, kho cấp phát thuốc

2.4. Danh mục kỹ thuật theo phân tuyến theo chuyên môn

- Thực hiện danh mục kỹ thuật được phê duyệt tỷ lệ đạt 80%-85%/năm.
- Triển khai áp dụng kỹ thuật mới đạt 1-2 kỹ thuật mới/năm.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Ban Giám đốc

- Lãnh đạo và xác định chiến lược, quy hoạch phát triển bệnh viện, xây dựng kế hoạch phát triển bệnh viện ngắn hạn và dài hạn nhằm đạt được mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn, duy trì và phát triển bệnh viện.

- Có kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện, bảo đảm việc tuyển dụng, sử dụng, duy trì và phát triển nhân lực, xây dựng cơ cấu chức danh nghề nghiệp dựa vào kế hoạch vị trí việc làm. Tạo điều kiện cho nhân viên cập nhật kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe. Bảo đảm nguồn nhân lực quản lý bệnh viện, có tiêu chuẩn, quy trình, tiêu chí cụ thể về tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý trong bệnh viện. Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận, thực hiện quy hoạch các vị trí lãnh đạo, quản lý để bảo đảm sự duy trì điều hành hoạt động và phát triển liên tục của bệnh viện.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển bệnh viện; đôn đốc việc thực hiện, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện đề án, kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu bệnh viện;

- Chỉ đạo triển khai áp dụng Bộ tiêu chí Chất lượng bệnh viện do Bộ Y tế ban hành phù hợp với tình hình thực tế của bệnh viện;

- Kiện toàn tổ chức, rà soát các quy chế hoạt động của các Hội đồng chuyên môn bệnh viện; tiếp tục củng cố, đẩy mạnh hoạt động của Hội đồng Quản lý chất lượng và Tổ Công tác xã hội bệnh viện

- Tổ chức họp giao ban, sơ tổng kết định kỳ để đánh giá rút kinh nghiệm;
- Khen thưởng cá nhân, tập thể đơn vị có thành tích xuất sắc trong thực hiện.

3.2. Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Xây dựng chương trình hành động cho từng giai đoạn.
- Làm đầu mối xây dựng các hướng dẫn chuyên môn và phác đồ điều trị; xây dựng các phác đồ điều trị nhằm cụ thể hóa các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế. Có biện pháp giám sát việc áp dụng các phác đồ điều trị đã ban hành và giám sát việc tuân thủ của nhân viên y tế. Hướng dẫn khoa phòng triển khai thực hiện công tác nghiên cứu khoa học tại bệnh viện và áp dụng kết quả vào thực tế lâm sàng.
- Làm đầu mối quản lý việc kiểm tra, giám sát hồ sơ bệnh án của các khoa lâm sàng; lưu trữ quản lý tốt hồ sơ bệnh án.
- Cập nhật, thống kê các dữ liệu, số liệu chuyên môn để báo cáo, lưu trữ thông tin theo quy định.
- Xây dựng hệ thống báo cáo, tổng hợp, phân tích sai sót và thực hiện các biện pháp phòng ngừa để khắc phục, giảm thiểu các sai sót, sự cố. Gửi đầy đủ các báo cáo thông tin liên quan đến chuyên môn đến các cấp theo quy định.
- Xây dựng danh mục kỹ thuật bệnh viện bổ sung hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố công khai cho nhân viên y tế, người bệnh và người dân biết.
- Xây dựng kế hoạch triển khai kỹ thuật mới của bệnh viện.
- Xây dựng các quy trình kỹ thuật và triển khai giám sát chất lượng kỹ thuật.
- Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế; triển khai ứng dụng các phần mềm về chuyên môn nghiệp vụ báo cáo thống kê, lập kế hoạch, công bố giá dịch vụ kỹ thuật.....
- Xây dựng và triển khai thực hiện các phân hệ phần mềm theo Bộ tiêu chí tại bệnh viện.
- Bảo đảm duy trì tốt hệ thống mạng nội bộ bệnh viện, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý chuyên môn, đo lường và giám sát chất lượng.
- Đề xuất kế hoạch đào tạo và đào tạo lại về chuyên môn hàng năm.
- Thực hiện tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trung ương, chỉ đạo tuyển cho các cơ sở y tế tuyến dưới.
- Làm đầu mối triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh.
- Làm đầu mối thiết lập hệ thống quản lý sai sót, sự cố bao gồm phát hiện, tổng hợp, phân tích, báo cáo và nghiên cứu, đề xuất các giải pháp khắc phục.
- Tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo, phối hợp, hỗ trợ việc triển khai các hoạt động về quản lý chất lượng và các kế hoạch bảo đảm, cải tiến chất lượng tại các khoa, phòng.

- Phối hợp với các khoa, phòng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và các vấn đề liên quan đến hài lòng người bệnh.

- Thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu, quản lý và bảo mật thông tin liên quan đến chất lượng bệnh viện; phối hợp với bộ phận thống kê, tin học của bệnh viện tiến hành đo lường chỉ số chất lượng bệnh viện.

- Phối hợp triển khai hoặc phối hợp tổ chức đào tạo; huấn luyện, tập huấn, bồi dưỡng về quản lý chất lượng. Tổ chức đánh giá chất lượng nội bộ của bệnh viện dựa trên tiêu chí của Bộ Y tế ban hành.

- Phối hợp với các khoa phòng thực hiện đánh việc giá tuân thủ các quy định của Bộ Y tế và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình an toàn người bệnh.

3.3. Phòng Tổ chức cán bộ

- Đề xuất việc tuyển dụng, bổ trí, luân chuyển, đề bạt, quy hoạch, xếp thang bậc lương, lên lương, khen thưởng, kỷ luật nhân sự theo chỉ đạo của Ban Giám đốc; quản lý hồ sơ cán bộ, viên chức.

- + Định hướng và hoàn thành kế hoạch “vị trí việc làm” tại bệnh viện, có chiều hướng phát triển nhân sự đến năm 2025.

- + Phối hợp với Phòng KHTH đề xuất kế hoạch đào tạo và đào tạo liên tục hàng năm tại bệnh viện.

3.4. Phòng Tài chính kế toán

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đúng pháp luật, chặt chẽ và hợp lý. Thẩm định giá sửa chữa, mua sắm hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo việc tuân thủ các quy định hiện hành.

- Giám sát việc mua sắm trang thiết bị, thuốc chữa bệnh, vật tư tiêu hao... theo đúng quy định hạn chế sự lãng phí trong tiêu hao thuốc, hóa chất, vật tư và tiết kiệm trong chi tiêu. Cân đối thu - chi hợp lý, tiết kiệm có tích lũy để nâng cao thu nhập cho cán bộ viên chức và người lao động.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác tài chính.

- Tăng cường giám sát để thực hiện đúng quy định về hồ sơ biểu mẫu báo cáo BHYT, cũng như các chứng từ thanh quyết toán BHYT- BHXH. - Tổ chức thu nộp viện phí cho người bệnh thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác; công bố giá viện phí và các dịch vụ tại khu vực khám, điều trị và nơi thu viện phí.

- Thực hiện chi trả tiền lương, bồi dưỡng phẫu thuật, thủ thuật, các chế độ phụ cấp cho cán bộ viên chức bệnh viện đúng quy định.

- Có kế hoạch dự toán kinh phí hàng năm và đến năm 2025.

- Ngoài các kinh phí được phân bổ đến bệnh viện hàng năm cho hoạt động chuyên môn, nhân sự, cải tạo cơ sở vật chất... để nâng cao chất lượng bệnh viện cần có kinh phí được duyệt cấp riêng cho hoạt động quản lý chất lượng.

- Có kế hoạch triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa y tế.

- Thực hiện lộ trình tiến tới tự chủ hoàn toàn theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

3.5. Phòng Điều Dưỡng

- Làm đầu mối xây dựng kế hoạch vị trí việc làm cho đội ngũ điều dưỡng toàn bệnh viện.

- Hướng dẫn điều dưỡng các khoa cung cấp thông tin, giải thích cho người bệnh trong quá trình điều trị.

- Có kế hoạch đào tạo, tập huấn để phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho điều dưỡng.

- Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho đội ngũ điều dưỡng.

- Quản lý việc ghi chép hồ sơ bệnh án của điều dưỡng.

- Xây dựng các quy trình kỹ thuật Điều dưỡng thông qua Hội đồng Khoa học kỹ thuật bệnh viện và giám sát việc thực hiện các quy trình.

- Giám sát các khoa phòng bảo đảm chính xác khi cung cấp dịch vụ.

- Làm đầu mối đề xuất việc học tập nâng cao trình độ, chuẩn hóa điều dưỡng toàn diện.

- Xây dựng các chỉ số đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh.

- Giám sát việc người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị.

- Triển khai thực hiện việc điều dưỡng chăm sóc vệ sinh cá nhân cho người bệnh trong quá trình điều trị tại bệnh viện.

- Tổ chức Hội nghị khoa học điều dưỡng với các đề tài nghiên cứu, sáng kiến cải tiến và chuyên đề liên quan công tác quản lý điều dưỡng, giáo dục sức khỏe, kiểm soát nhiễm khuẩn và chăm sóc người bệnh; Chuẩn hóa công tác điều dưỡng và quản lý điều dưỡng theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế.

3.6. Phòng Hành chính quản trị

- Xây dựng các quy trình quản lý tài sản, vật tư, hàng hóa, quy trình đấu thầu mua sắm và cung ứng các dịch vụ đảm bảo đáp ứng hiệu quả.

- Làm đầu mối hướng dẫn, giám sát việc triển khai thực hiện cải cách hành chính.

- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể Bệnh viện, lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng nhu cầu cấp bách hiện nay về kết cấu hạ tầng.

- Đảm bảo hoàn thiện về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại bệnh viện, cụ thể là:

+ Làm các biển báo, bảng biểu hướng dẫn người bệnh.

+ Làm đầu mối đề nghị sửa chữa cơ sở hạ tầng; cung cấp, bảo trì, sửa chữa giường, các trang thiết bị y tế, dụng cụ sinh hoạt của người bệnh và nhân viên y tế cho các khoa, phòng.

- Đảm bảo công tác PCCC, an ninh trật tự, xanh sạch, đẹp, văn minh trong Bệnh viện.

+ Xây dựng môi trường, cảnh quan bệnh viện theo quy hoạch.

- Tiếp nhận, quản lý các văn bản đến và đi; trình Ban Giám đốc xử lý các văn bản đến.

- Phối hợp cùng các khoa phòng xây dựng danh mục trang thiết bị, vật tư y tế. Thực hiện mua sắm đúng quy định.

- Cung ứng kịp thời trang thiết bị và vật tư tiêu hao theo yêu cầu chuyên môn.

- Lập hồ sơ, lý lịch cho tất cả các loại máy, xây dựng quy trình vận hành, bảo quản và kỹ thuật an toàn sử dụng máy.

- Tổ chức học tập, hướng dẫn về bảo quản, sử dụng, sửa chữa thiết bị y tế nhằm nâng cao tay nghề và sử dụng thiết bị y tế có hiệu quả.

3.7. Các khoa lâm sàng - cận lâm sàng

- Lập kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng tại khoa, phòng hàng năm.

- Các khoa, phòng của bệnh viện cử nhân viên kiêm nhiệm tham gia mạng lưới chất lượng bệnh viện. Nhiệm vụ làm đầu mối giúp lãnh đạo khoa phòng triển khai, thực hiện, theo dõi các hoạt động liên quan đến quản lý chất lượng.

- Duy trì Phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 1.

- Tăng cường thực hiện các chỉ tiêu kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, xét nghiệm theo phân tuyến kỹ thuật đối với bệnh viện hạng III, phấn đấu thực hiện đạt ít nhất từ 80% các dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật.

- Khoa Dược:

+ Thực hiện tốt các yêu cầu phục vụ cho hoạt động chuyên môn; xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc theo đúng quy định; cung ứng kịp thời thuốc và hóa chất xét nghiệm cho hoạt động khám chữa bệnh. Xây dựng hệ thống kho bảo quản đạt chuẩn GSP. Tăng cường kiểm tra, giám sát về quản lý sử dụng thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc đối với người bệnh tại các khoa lâm sàng.

+ Công tác sản xuất thuốc tại cơ sở: Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng quy trình sản xuất, dạng bào chế phù hợp với tình hình nhân lực, trang thiết bị hiện có.

Trên đây là Kế hoạch phát triển của Bệnh viện YHCT tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2025 nhằm thực hiện nhiệm vụ, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. /

Nơi nhận:

- Sở Y tế (để báo cáo);
- BGĐ. Bệnh viện;
- Các Khoa/Phòng Bệnh viện;
- Lưu: VT, P. KHTH.

GIÁM ĐỐC



Quách Trung Nguyên



Phụ lục 1: Hoạt động chuyên môn

A. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyên môn giai đoạn 2016 – 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	6 tháng 2020
Số giường	Giường	150	150	150	150	150
<i>Công suất sử dụng giường bệnh</i>	<i>(%)</i>	<i>62,65</i>	<i>51,28</i>	<i>63,47</i>	<i>55,38</i>	<i>36,97</i>
Tổng số lần khám bệnh	Lần	73,941	63,113	63,632	55,094	13,108
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>82,16</i>	<i>90,16</i>	<i>90,90</i>	<i>78,7</i>	<i>18,73</i>
TS NB điều trị nội trú	Người	1,472	1,351	1,638	1,485	523
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>67,21</i>	<i>61,69</i>	<i>74,79</i>	<i>67,8</i>	<i>23,88</i>
TS NB điều trị ngoại trú	Người	4,828	4,404	5,525	5,289	2,166
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>603,5</i>	<i>440,4</i>	<i>552,5</i>	<i>528,9</i>	<i>216,60</i>
TS ngày điều trị nội trú	Ngày	34,299	28,078	34,748	30,323	34,748
<i>TS ngày điều trị trung bình</i>	<i>Ngày</i>	<i>22,20</i>	<i>21,30</i>	<i>21,66</i>	<i>20,39</i>	<i>19,47</i>
TS lần xét nghiệm	Lần	56,438	34,405	37,050	34,329	7,036
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>86,83</i>	<i>68,81</i>	<i>74,1</i>	<i>68,6</i>	<i>14,07</i>
TS lần chụp X quang	Lần	5,137	2,218	3,917	3,501	720
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>51,37</i>	<i>44,36</i>	<i>78,34</i>	<i>70,02</i>	<i>14,4</i>
TS lần siêu âm	Lần	3,317	2,429	2,388	1,894	659
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>99,77</i>	<i>69,40</i>	<i>70,24</i>	<i>47,3</i>	<i>19,38</i>

B. Định hướng chỉ tiêu chuyên môn giai đoạn 2021 – 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
Số giường	Giường	150	150	150	150	150
<i>Công suất sử dụng giường bệnh</i>	<i>(%)</i>	<i>80</i>	<i>80</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
Tổng số lần khám bệnh	Lần	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>90</i>	<i>90</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
TS NB điều trị nội trú	Người	2,190	2,190	2,190	2,190	2,190
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>90</i>	<i>90</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
TS NB điều trị ngoại trú	Người	5,000	5,000	5,000	6,000	6,000
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
TS ngày điều trị nội trú	Ngày	54.750	54.750	54.750	54.750	54.750
<i>TS ngày điều trị trung bình</i>	<i>Ngày</i>	<i>25</i>	<i>25</i>	<i>25</i>	<i>25</i>	<i>25</i>
TS lần xét nghiệm	Lần	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
TS lần chụp X quang	Lần	5,000	5,000	5,000	6,000	6,000
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
TS lần siêu âm	Lần	3,500	3,500	3,500	4,000	4,000
<i>% đạt so với chỉ tiêu</i>	<i>(%)</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>



A. Kết quả sử dụng thuốc tại bệnh viện (Chế phẩm, dược liệu, vị thuốc YHCT) giai đoạn 2016-2020

Nội dung	2016 (1/10/2015- 30/9/2016)	2017 (1/10/2016- 30/9/2017)	2018 (1/10/2017- 30/9/2018)	2019 (1/10/2018- 30/9/2019)	2020 (1/10/2019- 30/6/2020)
1. Tổng số tiền mua thuốc (tỷ)	17,9	19,5	11,0	10,7	
- Chế phẩm	13,7	14,0	9,4	5,6	
- Dược liệu		3,5	0,31	0,15	
- Vị thuốc y học cổ truyền	4,2	1,9	1,6	4,9	
2. TS vị thuốc YHCT trong năm (kg)		29.281	6.203	18.890	
- Số lượng thuốc trong nước (kg)		10.785	1.993	5.881	
- Số lượng thuốc nhập khẩu (kg)		18.496	4.210	13.009	

B. Tình hình sử dụng thuốc giai đoạn 2016-2020

Tỷ lệ sử dụng thuốc	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Thuốc nội	55,41%	29,45%	52,37%
Thuốc ngoại	2,71%	8,99%	2,18%
Tiền mua hóa chất xét nghiệm, thuốc thử	0,59%	0,80%	0,71%
Tiền mua vaccin, sinh phẩm, vật tư y tế tiêu hao	0,38%	1,66%	0,58%



Phụ lục 3: Trang thiết bị y tế

Phần Kết quả mua sắm các trang thiết bị y tế giai đoạn 2015-2020

Năm thực hiện	Tên Gói thầu mua sắm trang thiết bị
2015	1. Mua sắm thiết bị phục vụ chẩn đoán và lưu trữ hóa chất - Máy huyết học tự động 23 thông số 01 cái - Máy đo điện não vi tính 01 cái - Tủ chứa vac xin dạng đứng 01 cái - Máy đo độ loãng xương tia X-Ray 01 cái 2. Mua sắm trang thiết bị y tế (PHCN) - Máy nén ép liên tục và ngắt quãng 01 cái - Máy điều trị bằng nhiệt rung từ 4 kênh MHR4 01 cái
2016	1. Mua sắm TTB chẩn đoán và điều trị PHCN - Máy nén ép liên tục và ngắt quãng 01 cái - Máy siêu âm Doppler màu 3D,4D 01 cái 2. Mua sắm máy hấp tiệt trùng - Máy hấp tiệt trùng 167 lít 01 cái
2017	1. Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh - Máy phân tích sinh hóa tự động 400 test /giờ 01 cái - Máy đo tốc độ lắng máu LENA NE 01 cái 2. Mua sắm nồi hơi đun điện phục vụ sắc thuốc thang - Nồi hơi đun điện 100 kg/h 01 cái 3. Mua sắm máy phân tích nước tiểu - Máy phân tích nước tiểu Mission U120 01 cái 4. Mua sắm TTB chăm sóc da - Thiết bị chăm sóc, điều trị da IPL 01 cái 5. Mua sắm trang thiết bị y tế vật lý trị liệu phục hồi chức năng - Hệ thống PHCN bằng lập trình kỹ thuật số 01 hệ thống - HT máy kéo cột sống cổ, ngực lưng tự động TM 400 IF 03 cái
2018	1. Mua sắm TTB vật lý trị liệu, phục hồi chức năng - Máy kích thích điện và điện phân thuốc 01 cái - Máy laser bán dẫn điều trị 01 cái - Máy laser quang châm nội mạch 02 cái 2. Mua sắm TTBYT năm 2018 - Máy điều trị bằng sóng xung kích 01 cái - Máy điều trị siêu âm kết hợp điện xung, điện phân 01 cái - Máy điện châm không dùng kim 03 cái
2019	1. Mua sắm TTBYT năm 2019 thuộc dự án mua sắm TTB y tế năm 2019 - Máy laser quang châm 10 đầu châm 06 cái - Máy đo huyết áp tự động 01 cái - Máy đo điện tim 3 cần 01 cái 2. Mua sắm TTBYT năm 2019 từ nguồn 20% kết dư quỹ BHYT. - Máy điện châm không dùng kim 03 cái - Máy xoa bóp áp lực hơi 02 cái - Bộ dụng cụ phục hồi chức năng 01 bộ 3. Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2019 - Máy điện châm 6 đầu 80 cái - Tủ lạnh bảo quản mẫu: dược phẩm, thuốc thử, sinh phẩm, vaccine) 01 cái
2020	1. Mua sắm TTBYT năm 2019 - Máy sắc thuốc 03 nồi 01 cái - Máy đóng túi 01 cái - Máy điện tim 01 cái - Máy đo huyết áp tự động 02 cái



BỘ TÀI CHÍNH: Tài chính y tế
Y HỌC
Kết quả công tác thu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020

DVT: VNĐ

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước Năm 2020
I	Tổng thu	46.478.677.462	41.314.000.815	39.304.033.420	38.354.309.179	25.023.688.846
I	Thu ngân sách cấp	15.827.000.000	9.534.000.000	5.993.629.616	6.051.801.220	6.526.000.000
a	Kinh phí tự chủ	8.377.000.000	3.900.000.000	2.687.000.000	2.182.000.000	1.831.000.000
	Tự chủ (lương 5.515.000.000đ)	8.238.000.000	3.510.000.000	2.297.000.000	1.964.000.000	1.613.000.000
	CCITL nguồn tự chủ	139.000.000	390.000.000	390.000.000	218.000.000	218.000.000
b	Không tự chủ	7.450.000.000	5.634.000.000	3.306.629.616	3.869.801.220	4.695.000.000
	Không thường xuyên	6.450.000.000	4.694.000.000	2.651.323.776	2.817.974.162	3.858.000.000
	KITX - Môi trường	1.000.000.000	940.000.000	655.305.840	1.051.827.058	837.000.000
2	Tổng thu nguồn thu SN	30.651.677.462	31.780.000.815	33.310.403.804	32.302.507.959	18.497.688.846
	Tổng thu viện phí	30.424.223.429	31.530.134.531	32.927.900.964	31.872.080.857	18.369.288.846
	Thu sự nghiệp khác	227.454.033	249.866.284	382.502.840	430.427.102	128.400.000
II	Tổng chi	46.339.677.462	40.924.000.815	38.913.542.700	38.136.309.179	24.805.688.846
I	Chi ngân sách cấp	15.688.000.000	9.144.000.000	5.603.138.896	5.833.801.220	6.308.000.000
a	Kinh phí tự chủ	8.238.000.000	3.510.000.000	2.296.510.120	1.964.000.000	1.613.000.000
	Tự chủ (lương 5.515.000.000đ)	8.238.000.000	3.510.000.000	2.296.510.120	1.964.000.000	1.613.000.000
	CCITL nguồn tự chủ	0	0	0	0	0
b	Không tự chủ	7.450.000.000	5.634.000.000	3.306.628.776	3.869.801.220	4.695.000.000
	Không thường xuyên	6.450.000.000	4.694.000.000	2.651.323.776	2.817.974.162	3.858.000.000
	KITX - Môi trường	1.000.000.000	940.000.000	655.305.000	1.051.827.058	837.000.000
2	Tổng chi nguồn thu SN	30.651.677.462	31.780.000.815	33.310.403.804	32.302.507.959	18.497.688.846
	Chi nguồn viện phí	30.424.223.429	31.530.134.531	32.927.900.964	31.872.080.857	18.369.288.846
	Chi sự nghiệp khác	227.454.033	249.866.284	382.502.840	430.427.102	128.400.000

B. Dự toán ngân sách giai đoạn 2021-2025:

DVT: VND

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Tổng thu	29.323.240.000	32.155.564.000	35.271.120.400	38.698.232.440	42.468.055.684
1	Thu ngân sách cấp	7.182.000.000	7.800.200.000	8.480.220.000	9.228.242.000	10.051.066.200
a	Kinh phí tự chủ	2.182.000.000	2.400.200.000	2.640.220.000	2.904.242.000	3.194.666.200
	Tự chủ	1.964.000.000	2.160.400.000	2.376.440.000	2.614.084.000	2.875.492.400
	CCTL nguồn tự chủ	218.000.000	239.800.000	263.780.000	290.158.000	319.173.800
b	Không tự chủ	5.000.000.000	5.400.000.000	5.840.000.000	6.324.000.000	6.856.400.000
	Không thường xuyên	4.000.000.000	4.400.000.000	4.840.000.000	5.324.000.000	5.856.400.000
	KTX - Môi trường	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
2	Tổng thu nguồn thu: SN	22.141.240.000	24.355.364.000	26.790.900.400	29.469.990.440	32.416.989.484
	Tổng thu viện phí	22.000.000.000	24.200.000.000	26.620.000.000	29.282.000.000	32.210.200.000
	Thu sự nghiệp khác	141.240.000	155.364.000	170.900.400	187.990.440	206.789.484
II	Tổng chi	29.105.240.000	31.915.764.000	35.007.340.400	38.408.074.440	42.148.881.884
1	Chi ngân sách cấp	6.964.000.000	7.560.400.000	8.216.440.000	8.938.084.000	9.731.892.400
a	Kinh phí tự chủ	1.964.000.000	2.160.400.000	2.376.440.000	2.614.084.000	2.875.492.400
b	Không tự chủ	5.000.000.000	5.400.000.000	5.840.000.000	6.324.000.000	6.856.400.000
	Không thường xuyên	4.000.000.000	4.400.000.000	4.840.000.000	5.324.000.000	5.856.400.000
	KTX - Môi trường	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
2	Tổng chi nguồn thu	22.141.240.000	24.355.364.000	26.790.900.400	29.469.990.440	32.416.989.484
	Chi viện phí	22.000.000.000	24.200.000.000	26.620.000.000	29.282.000.000	32.210.200.000
	Chi sự nghiệp khác	141.240.000	155.364.000	170.900.400	187.990.440	206.789.484